

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2021/HS-ST

Ngày 16 - 3 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Thị Thúy.
2. Ông Ngô Văn Sang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hảo - Thư ký TAND huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa:
Ông Tô Tuấn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2021/HSST - QĐ ngày 03/3/2021 đối với:

1. Bị cáo Phạm Văn T1; giới tính Nam; sinh ngày 13 tháng 5 năm 1974; tại B. Nơi cư trú: thôn B, xã A, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; con ông Phạm Minh H1, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1950, đều trú tại thôn T, xã A, huyện V, tỉnh H; Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất; có vợ Nguyễn Thị H2, sinh năm: 1976, bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tháng 9 năm 1992 nhập ngũ, đơn vị Tiểu đoàn 3, lữ đoàn 147, quân chủng Hải Quân đến tháng 6 năm 1994 xuất ngũ về địa phương. Bị cáo bị áp dụng Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 130 ngày 14/12/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình. Có mặt.

2. Bị hại: Ông Bùi Văn T2, sinh năm 1966; Nơi cư trú: thôn B, xã A, huyện V, tỉnh H. (Có mặt)

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Bà Phạm Thị M, sinh năm 1939; nơi cư trú: thôn B, xã A, huyện V, tỉnh H. (vắng mặt).

4. Người làm chứng:

- Ông Bùi Văn V, sinh năm 1952; nơi cư trú: Thôn C, xã A, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

- Anh Nguyễn Thụ L, sinh năm 1960; nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

- Anh Phạm Văn S, sinh năm 1965; nơi cư trú: Thôn B, xã A, huyện V, tỉnh H (vắng mặt).

- Anh Mai Ngọc T3, sinh năm 1969; nơi cư trú: B, xã A, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

- Anh Mai Khắc N, sinh năm 1954; nơi cư trú: B, xã A, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

- Anh Bùi Văn T4, sinh năm 1964 nơi cư trú: B, xã A, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

- Anh Nguyễn Văn A, sinh năm 1962 nơi cư trú: B, xã A, huyện V, tỉnh H (Vắng mặt).

- Chị Mai Thị N, sinh năm 1975; nơi cư trú: B, xã A, huyện V, tỉnh H (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 07 tháng 7 năm 2020, sau khi ăn cơm uống rượu tại gia đình bà Phạm Thị M tại thôn B, xã A, huyện V, tỉnh H thì Phạm Văn Thặng và các anh Bùi Văn T2, Nguyễn Văn A, Nguyễn Thụ L, Phạm Văn S, Mai Khắc N, Bùi Văn T4 ra hiên nhà bà H ngồi uống nước. T1 dùng con dao dài 22,5 cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 11,5 cm, rộng 3cm, lưỡi dao đẹp, sắc, cán dao bằng gỗ dài 11 cm rộng 3 cm gọt hoa quả để ăn. Lúc đó ông T2 đang ngồi đối diện với T1 thì T1 nói: “Thôi bác say rồi, bác về nhà ngủ đi”. Ông T2 nói: “Nhà mày à mà mày đuổi tao, tao còn đang ngồi uống nước”. Sau đó hai người xảy ra cãi chửi nhau ông T2 đứng lên chỉ tay về phía T1. Lúc này T1 đang ngồi tay phải cầm dao, T1 vung tay lên làm lưỡi dao trúng vào cổ tay trái của ông T2 làm đứt gân gấp, đứt bó mạch thần kinh trụ, thần kinh giữa tay trái. Ông T2 lao đến thì T1 đứng dậy thu tay lại làm lưỡi dao tiếp tục trúng má trái của ông T2. Sau đó T1 dùng tay phải cầm dao đẩy ông T2 ra thì lưỡi dao trúng vào hốc nách trái của ông T2 gây nên thương tích. Sau khi sự việc xảy ra ông T2 được gia đình đưa đi cấp cứu và chữa trị tại bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái bình từ ngày 07 tháng 7 năm 2020 đến ngày 16 tháng 7 năm 2020 thì xuất viện. Sau đó ông T2

tiếp tục đi điều trị tại khoa phục hồi chức năng bệnh viện Đa khoa tỉnh Thái Bình từ ngày 03 tháng 8 năm 2020 đến ngày 12 tháng 8 năm 2020 thì xuất viện và điều trị tại bệnh viện phục hồi chức năng Thái Bình từ ngày 27 tháng 8 năm 2020 đến ngày 14 tháng 9 năm 2020 thì xuất viện.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số: 227/20/TgT ngày 19/11/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thái Bình kết luận:

Dấu hiệu chính qua giám định thương tích vùng cằm bên trái, hố nách trái và vùng cổ tay trái do vật sắc tác động làm rách da và tổ chức dưới da, đứt gân gấp, đứt bó mạch thần kinh trụ thần kinh giữa tay trái đã được xử trí mổ xử lý vết thương, nối gân cơ, mạch máu, thần kinh, bất động. Hiện các ngón tay chưa co duỗi được, còn tê buốt, tổn thương nhánh dây thần kinh giữa và trụ tay trái. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên tại thời điểm giám định là 29% (Hai mươi chín phần trăm).

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T1, bị hại ông Bùi Văn T2 không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định pháp y của Trung tâm pháp y Sở y tế Thái Bình nêu trên.

Bản cáo trạng số: 09/CT-VKSTT ngày 29 tháng 01 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình truy tố bị cáo Phạm Văn T1 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp dùng hung khí nguy hiểm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trong bản cáo trạng. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Phạm Văn T1 về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134), điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử. Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 02 năm 3 tháng đến 02 năm 6 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách từ 04 năm 6 tháng đến 05 năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/3/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 586, 590. Chấp nhận sự thỏa thuận bị cáo tự nguyện bồi thường bị hại số tiền 60.000.000 triệu đồng, bị hại nhận đủ số tiền trên, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì khoản tiền nào khác.

Về vật chứng của vụ án: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 22,5cm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 11,5cm, rộng

03cm, lưỡi dao đẹp, sắc, cán dao bằng gỗ dài 11cm, rộng 03cm, trên cán dao có 01 chốt bằng kim loại.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại, không tranh luận đối với đề nghị của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thái Thụy, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Hành vi phạm tội của bị cáo còn được chứng minh bằng các tài liệu, chứng cứ sau: Đơn trình báo và lời khai của bị hại là ông Bùi Văn T2; biên bản làm việc, sơ đồ hiện trường vụ việc; Biên bản nhận dạng, bản ảnh nhận dạng vật chứng; bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 227/20/TgT ngày 19/11/2020 của Trung tâm pháp y thuộc Sở y tế Thái Bình; lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại cơ quan điều tra bà Phạm Thị M và những người làm chứng Nguyễn Văn A, Nguyễn Thụ L, Phạm Văn S, Mai Khắc N, Bùi Văn T4 và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xét thấy, lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố, phù hợp với các chứng cứ nêu trên.

[3] Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 20 giờ ngày 07/7/2020, tại thôn B, xã A, huyện V, tỉnh H, Phạm Văn T1 đã có hành vi dùng con dao dài 22,5cm, lưỡi dao bằng kim loại màu đen dài 11,5cm, rộng 03cm, lưỡi dao đẹp, sắc, cán dao bằng gỗ dài 11cm rộng 03cm là hung khí nguy hiểm gây lên thương tích cho ông Bùi Văn T2 với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 29%. Hành vi của bị cáo Phạm Văn T1 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Cố ý gây thương tích" theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134) Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

“Điều 134. Tội cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng vũ khí, vật liệu nổ, hung khí nguy hiểm hoặc thủ đoạn có khả năng gây nguy hại cho nhiều người;

.....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

.....

đ) Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Hành vi của bị cáo Phạm Văn T1 là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sức khỏe của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, gây tâm lý lo sợ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, cần phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra mới có tác dụng cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS . Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã tự nguyện bồi thường toàn bộ cho bị hại và bị hại có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo cũng có thời gian tham gia quân đội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Từ những nhận định nêu trên và xét nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị cáo chỉ là bột phát, không có sự chuẩn bị từ trước, sự việc xảy ra cũng xuất phát từ việc có một phần lỗi từ phía bị hại dẫn đến việc bị cáo vùng dao về phía bị hại nên đã gây thương tích cho bị hại. Bị cáo là người có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, chưa có tiền án, tiền sự đồng thời có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Khi sự việc xảy ra bị cáo cũng tích cực bồi thường cho bị hại, bản thân bị cáo đang phải nuôi con nhỏ nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được cải tạo tại nơi cư trú dưới sự giám sát của chính quyền

địa phương theo quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo nhưng cũng phải lên mức hình phạt đủ để cải tạo, giáo dục đối với bị cáo nói riêng cũng như răn đe, đấu tranh và phòng ngừa tội phạm nói chung.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 586, 590. Bị cáo Phạm Văn T1 đã tự nguyện bồi thường thiệt hại số tiền là 60.000.000 đồng để khắc phục hậu quả cho ông Bùi Văn T2. Ông T2 đã nhận đủ số tiền, tại phiên tòa ông T2 không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận trên.

[7] Về xử lý vật chứng: Tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị M, không xin nhận lại con dao do đã hết giá trị sử dụng và đề nghị tịch thu tiêu hủy nên áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 22,5cm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 11,5cm, rộng 03cm, lưỡi dao dẹt, sắc, cán dao bằng gỗ dài 11cm, rộng 03cm, trên cán dao có 01 chốt bằng kim loại.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ luật Hình sự; các Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Bị cáo Phạm Văn T1 phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”. Xử Phạt bị cáo Phạm Văn T1 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/3/2021.

Giao bị cáo Phạm Văn T1 cho Ủy ban nhân dân xã A, huyện V, tỉnh H giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 585, 586, 590. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 22,5cm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 11,5cm, rộng 03cm, lưỡi dao đẹp, sắc, cán dao bằng gỗ dài 11cm, rộng 03cm, trên cán dao có 01 chốt bằng kim loại.

4. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T1 phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 16/3/2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Cơ quan điều tra, Cơ quan thi hành án hình sự, Nhà tạm giữ Công an huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Tòa án tỉnh Thái Bình;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- Lưu: hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Việt Hưng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 16 giờ 15 phút ngày 16 tháng 3 năm 2021

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Vũ Thị Thúy.

Ông Ngô Văn Sang.

Tiến hành nghị án vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 01 năm 2021 đối với:

Bị cáo Phạm Văn Thặng, sinh năm 1974; tại Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn Tân An, xã An Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

Áp dụng Điều 299 và Điều 326 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

1. Về tính hợp pháp của những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập: Những chứng cứ tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, những chứng cứ, tài liệu tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

2. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134 thuộc trường hợp quy định tại các điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, s khoản 1 và 2 Điều 51, Điều 65, Điều 50 Bộ

luật Hình sự; các Điều 136, 331 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

3. Về hình phạt: Xử Phạt bị cáo Phạm Văn Thặng 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 16/3/2021.

Giao bị cáo Phạm Văn Thặng cho Ủy ban nhân dân xã An Tân, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 585, 586, 590. Chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, bị hại đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường số tiền 60.000.000 đồng cho bị hại, bị hại không có yêu cầu gì khác.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 con dao dài 22,5cm đã qua sử dụng, lưỡi dao bằng kim loại màu đen, dài 11,5cm, rộng 03cm, lưỡi dao dẹt, sắc, cán dao bằng gỗ dài 11cm, rộng 03cm, trên cán dao có 01 chốt bằng kim loại.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

6. Về án phí: Bị cáo Phạm Văn Thặng phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 16 tháng 3 năm 2021. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án hợp lệ.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

8. Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử: Hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Kết quả biểu quyết 3/3 = 100% nhất trí tán thành

Nghị án kết thúc vào hồi 16 giờ 30 phút, ngày 16 tháng 3 năm 2021

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Việt Hưng